

Số: 30/2020/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày 17 tháng 7 năm 2020

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở xóm, tổ dân phố; mức bồi dưỡng, số lượng người trực tiếp tham gia công việc của xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG  
KHOÁ XVI KỲ HỌP THỨ 13**

- Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*  
*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*  
*Căn cứ Luật Thú y ngày 19 tháng 6 năm 2015;*  
*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*  
*Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 22 tháng 11 năm 2019;*  
*Căn cứ Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về bảo vệ dân phố;*  
*Căn cứ Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh công an xã;*  
*Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;*  
*Căn cứ Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội bắt buộc;*  
*Căn cứ Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ;*  
*Căn cứ Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Thú y;*  
*Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;*  
*Căn cứ Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn bản;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2008/TT-BYT ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bộ máy dân số - kế hoạch hóa gia đình ở địa phương;*

*Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;*

*Xét Tờ trình số 1466/TTr-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở xóm, tổ dân phố; mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) và ở xóm, tổ dân phố (sau đây gọi chung là xóm); mức bồi dưỡng, số lượng người trực tiếp tham gia công việc của xóm trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, như sau:

1. Chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

a) Chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã (*Phụ lục I kèm theo*).

b) Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã:

Cấp xã loại I: Bố trí tối đa 09 người.

Cấp xã loại II: Bố trí tối đa 08 người.

Cấp xã loại III: Bố trí tối đa 07 người.

2. Chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở xóm

a) Chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở xóm (*Phụ lục II kèm theo*).

b) Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở xóm: Tối đa 03 người/xóm.

3. Mức bồi dưỡng, số lượng người trực tiếp tham gia công việc của xóm

a) Mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của xóm (*Phụ lục III kèm theo*).

b) Số lượng người tham gia công việc của xóm:

Xóm loại 1: Bố trí tối đa 4 người.

Xóm loại 2, loại 3: Bố trí tối đa 3 người.

4. Mức phụ cấp kiêm nhiệm, nhóm chức danh kiêm nhiệm và chế độ Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế

a) Mức phụ cấp kiêm nhiệm

Cán bộ, công chức cấp xã: Kiêm nhiệm không quá 01 chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 50% mức phụ cấp của chức danh đó. Phụ cấp kiêm nhiệm không dùng để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã: Ngoài mức phụ cấp của chức danh phụ trách, được kiêm nhiệm tối đa 02 chức danh khác. Kiêm nhiệm 01 chức danh được hưởng 50% phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm; kiêm nhiệm 02 chức danh được hưởng 70% phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm có hệ số phụ cấp cao nhất.

Những người hoạt động không chuyên trách ở xóm: Ngoài mức phụ cấp của chức danh phụ trách được kiêm nhiệm tối đa 01 chức danh và 01 công việc khác của xóm. Kiêm nhiệm 01 chức danh hoặc 01 công việc được hưởng 60% mức phụ cấp của chức danh hoặc mức bồi dưỡng của công việc kiêm nhiệm; kiêm nhiệm 01 chức danh và 01 công việc khác được hưởng 100% mức phụ cấp của chức danh hoặc mức bồi dưỡng của công việc kiêm nhiệm có hệ số phụ cấp, mức bồi dưỡng cao nhất.

Những người trực tiếp tham gia công việc của xóm: Ngoài mức bồi dưỡng của công việc phụ trách, được kiêm nhiệm tối đa 02 công việc khác của xóm. Kiêm nhiệm 01 công việc được hưởng 60% mức bồi dưỡng của công việc kiêm nhiệm; kiêm nhiệm 02 công việc khác được hưởng 100% mức bồi dưỡng của công việc kiêm nhiệm có mức bồi dưỡng cao nhất.

b) Nhóm chức danh, công việc kiêm nhiệm

Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn cụ thể nhóm các chức danh hoặc công việc kiêm nhiệm, tiêu chuẩn, quy trình tuyển chọn, giới thiệu bầu cử các chức danh không chuyên trách, người trực tiếp tham gia công việc của xóm nhằm đảm bảo thống nhất về công tác tổ chức trong phạm vi toàn tỉnh.

Tùy theo điều kiện thực tế, cụ thể của từng đơn vị, bố trí các chức danh hoặc công việc kiêm nhiệm cho phù hợp nhưng không vượt quá số lượng quy định theo phân loại đơn vị hành chính cấp xã và phân loại xóm. Khuyến khích những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở xóm; người tham gia công việc của xóm có trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ.

c) Chế độ Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế

Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội (quỹ hưu trí và tử tuất) và bảo hiểm y tế theo quy định hiện hành.

5. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 4.** Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 21/2012/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc kiện toàn tổ chức và chính sách hỗ trợ đối với khuyến nông viên xã, khuyến nông viên xóm trên địa bàn tỉnh Cao Bằng và Nghị quyết số 27/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVI, kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 7 năm 2020./*ĐH*

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo và Chuyên viên VP HĐND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đàm Viết Hà**

**CHỨC DANH, MỨC PHỤ CẤP ĐỐI VỚI NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG  
KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 30/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)



Đơn vị tính: theo mức lương cơ sở

S T T	Chức danh	Mức phụ cấp hàng tháng
1	Phó Trưởng công an (ở xã, thị trấn) hoặc Trưởng ban Bảo vệ dân phố (ở phường)	Phó Trưởng công an 1,0
		Trưởng ban Bảo vệ dân phố 0,5
2	Phó Chỉ huy trưởng quân sự	1,0
3	Chủ tịch Hội người cao tuổi	0,8
4	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ	0,8
5	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc	0,8
6	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	0,8
7	Phó Chủ tịch Hội Nông dân	0,8
8	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	0,8
9	Phó Bí thư Đoàn thanh niên	0,8
10	Phụ trách Văn phòng Đảng ủy	0,8
11	Phụ trách công tác tổ chức, kiểm tra Đảng	0,8
12	Phụ trách Tuyên giáo dân vận	0,8
13	Phụ trách Dân số, Kế hoạch hóa gia đình	0,8
14	Nhân viên thú y, khuyến nông	0,8

\* Ghi chú:

Phân loại đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh hiện nay thực hiện theo 02 Quyết định của UBND tỉnh Cao Bằng, cụ thể: Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 16/4/2007 về phân loại đơn vị hành chính cấp xã; Quyết định số 1732/QĐ-UBND ngày 07/8/2009 về việc phân loại đơn vị hành chính cấp xã do điều chỉnh địa giới hành chính theo Nghị định số 183/2007/NĐ-CP./.

**CHỨC DANH, MỨC PHỤ CẤP ĐỐI VỚI NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG  
KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở XÓM, TỔ DÂN PHỐ**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 30/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)*



*Đơn vị tính: theo mức lương cơ sở*

STT	Chức danh người hoạt động không chuyên trách	Mức phụ cấp hằng tháng		
		Loại 1	Loại 2	Loại 3
1	Bí thư chi bộ	1,1	1,0	0,9
2	Trưởng xóm, Tổ trưởng tổ dân phố	1,1	1,0	0,9
3	Trưởng ban Công tác Mặt trận	0,7	0,6	0,5

*\* Ghi chú:*

*Phân loại xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh hiện nay thực hiện theo 03 Quyết định của UBND tỉnh Cao Bằng, cụ thể: Quyết định số 1945/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 về phân loại xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Quyết định số 2184/QĐ-UBND ngày 15/11/2019 về phân loại xóm, tổ dân phố trên địa bàn huyện Thông Nông và Quyết định số 207/QĐ-UBND ngày 25/02/2020 về phân loại xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Cao Bằng./.*

**MỨC BỒI DƯỠNG ĐỐI VỚI NGƯỜI TRỰC TIẾP THAM GIA CÔNG VIỆC CỦA XÓM, TỔ DÂN PHỐ**



(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 30/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị tính: theo mức lương cơ sở

STT	Người trực tiếp tham gia công việc của xóm, tổ dân phố	Mức bồi dưỡng hằng tháng		
		Loại 1	Loại 2	Loại 3
1	Công an viên (ở xã, thị trấn)	0,7	0,6	0,5
	Tổ trưởng Bảo vệ dân phố (ở phường)	0,35		
	Tổ viên Bảo vệ dân phố (ở phường)	0,3		
2	Thôn đội trưởng	0,62		
3	Nhân viên y tế kiêm cô đỡ thôn bản, cộng tác viên dân số KHHGĐ ở các xóm đặc biệt khó khăn	0,54		
	Nhân viên y tế kiêm cô đỡ thôn bản, cộng tác viên dân số KHHGĐ ở các xóm còn lại	0,34		
4	Chi hội trưởng Hội Phụ nữ	0,1		
5	Chi hội trưởng Hội Nông dân	0,1		
6	Chi hội trưởng Hội Cựu Chiến binh	0,1		
7	Bí thư chi đoàn	0,1		

\* Ghi chú:

Phân loại xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh hiện nay thực hiện theo 03 Quyết định của UBND tỉnh Cao Bằng, cụ thể: Quyết định số 1945/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 về phân loại xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Quyết định số 2184/QĐ-UBND ngày 15/11/2019 về phân loại xóm, tổ dân phố trên địa bàn huyện Thông Nông và Quyết định số 207/QĐ-UBND ngày 25/02/2020 về phân loại xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Cao Bằng./.